

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG THCS PHÚ CƯỜNG
MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ VÀ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MINH HỌA
MÔN NGỮ VĂN

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng g % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	
1	Đọc hiểu	Truyện dân gian (truyền thuyết, cổ tích)..	3	0	5	0	0	2	0		60
2	Viết	Kể lại một trải nghiệm của bản thân.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	
Tỉ lệ %			20		40%		30%		10%		100
Tỉ lệ chung			60%				40%				

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com
<https://www.vnteach.com>

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Chương g/	Nội dung/Đơn	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức
----	--------------	-----------------	-----------------	-------------------------------------

	Chủ đề	vị kiến thức		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Truyện dân gian (truyền thuyết, cổ tích)..	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được những dấu hiệu đặc trưng của thể loại truyện cổ tích; chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật. - Nhận biết được người kể chuyện và ngôi kể. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt được cốt truyện. - Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu - Hiểu được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ. - Hiểu và lí giải được chủ đề của văn bản. - Xác định được nghĩa thành ngữ thông dụng. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rút ra được bài học từ văn bản. - Nhận xét, đánh giá được ý nghĩa, giá trị tư tưởng hoặc đặc sắc về nghệ thuật của văn bản. 	3 TN	5TN	2TL	
2	Viết	Kể lại một trải nghiệm của bản thân.	<p>Nhận biết:</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>Vận dụng:</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc</p>				1TL*

		trước sự việc được kể.				
Tổng			3 TN	5 TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %			20	40	30	10
Tỉ lệ chung			60		40	

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn Ngữ văn lớp 6

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

THẠCH SANH

Ngày xưa ở quận Cao Bình có hai vợ chồng tuổi già mà chưa có con. Tuy nhà nghèo, hằng ngày phải lên rừng chặt củi về đổi lấy gạo nuôi thân, họ vẫn thường giúp mọi người. Thấy họ tốt bụng, Ngọc Hoàng bèn sai thái tử xuống đầu thai làm con. Từ đó người vợ có mang, nhưng đã qua mấy năm mà không sinh nở. Rồi người chồng lâm bệnh, chết. Mãi về sau người vợ mới sinh được một cậu con trai. Khi cậu bé vừa khôn lớn thì mẹ chết. Cậu sống lủi thủi trong một túp lều cũ dựng dưới gốc đa, cả gia tài chỉ có một lưỡi búa của cha để lại. Người ta gọi cậu là Thạch Sanh. Năm Thạch Sanh biết dùng búa, Ngọc Hoàng sai thiên thần xuống dạy cho đủ các môn võ nghệ và mọi phép thần thông.

Một hôm, có người hàng rượu tên Lí Thông đi qua đó. Thấy Thạch Sanh gánh một gánh củi lớn, hãnh nghĩ bụng: “Người này khỏe như voi, nó về ở cùng thì lợi biết bao nhiêu”. Lí Thông lân la gợi chuyện, rồi gạ cùng Thạch Sanh kết nghĩa anh em. Sớm mờ coi cha mẹ, tứ cố vô thân, nay có người săn sóc đến mình, Thạch Sanh cảm động, vui vẻ nhận lời. Chàng từ giã gốc đa, đến sống chung với mẹ con Lí Thông.

[...] Nhà vua gả công chúa cho Thạch Sanh. Lễ cưới của họ tương xứng nhất kinh kì chưa bao giờ và chưa ở đâu có lễ cưới tương xứng như thế. Thấy vậy hoàng tử các nước chư hầu trước kia bị công chúa từ hôn lấy làm tức giận. Họ hội binh lính cả mười tám nước kéo sang đánh.

Thạch Sanh xin nhà vua đừng động binh. Chàng một mình cầm cây đàn ra trước quân giặc. Tiếng đàn của chàng vừa cất lên thì quân sĩ mười tám nước bủn rủn tay

chân, không còn nghĩ được gì tới chuyện đánh nhau nữa. Cuối cùng các hoàng tử phải cời giáp xin hàng. Thạch Sanh sai dọn một bữa cơm thết đãi những kẻ thua trận. Cả mấy vạn tướng lĩnh, quân sĩ thấy Thạch Sanh chỉ cho dọn ra vẻn vẻn có một niêu cơm tí xíu, bĩu môi, không muốn cầm đũa. Biết ý, Thạch Sanh đổ họ ăn hết được niêu cơm và hứa sẽ trọng thưởng cho những ai ăn hết. Quân sĩ mười tám nước ăn mãi, ăn mãi nhưng niêu cơm bé xíu cứ ăn hết lại đầy. Chúng cúi đầu lạy tạ vợ chồng Thạch Sanh rồi kéo nhau về nước.

Truyện cổ Việt Nam Đỗ Quang Lưu kể (Theo Truyện thơ khuyết danh)
Nguồn : Kể chuyện 5, trang 109, NXB Giáo dục – 1984

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Truyện Thạch Sanh kể về cuộc đời của kiểu nhân vật nào?

- A. Nhân vật bất hạnh
- B. Nhân vật dũng sĩ
- C. Nhân vật thông minh
- D. Nhân vật là động vật

Câu 2. Câu chuyện trong tác phẩm được kể bằng lời của ai?

- A. Lời của nhân vật Thạch Sanh.
- B. Lời của người kể chuyện.
- C. Lời của nhân vật Lí Thông
- C. Lời của mẹ Lí Thông.

Câu 3. Trong truyện Thạch Sanh, mẹ Thạch Sanh mang thai chàng trong trường hợp nào?

A. Cha mẹ Thạch Sanh nghèo nhưng tốt bụng, được Ngọc Hoàng thương tình sai thái tử xuống đầu thai làm con.

B. Người mẹ hái củi trong rừng vào một hôm nắng to, bà khát nước và uống nước trong một cái sọ dừa, từ đó bà mang thai.

C. Người mẹ ra đồng thấy một bàn chân to liền ướm thử và mang thai.

D. Người mẹ nằm mộng thấy một vị tiên gõ đôi đũa thần vào người, khi tỉnh dậy thì phát hiện mình có thai.

Câu 4. Thành ngữ nào sau đây diễn tả đúng tình cảnh của Thạch Sanh khi chị dâu nhâm lẫn?

- A. Ba mặt một lời.
- B. Một mất mười ngờ.
- C. Tứ cố vô thân.
- D. Tình ngay lí gian.

Câu 5. Trong truyện Thạch Sanh, vì sao Lí Thông muốn làm bạn với Thạch Sanh?

A. Vì thương cảm cho số phận mồ côi của Thạch Sanh.

B. Vì muốn được che chở cho Thạch Sanh.

C. Vì thấy Thạch Sanh khỏe mạnh, có Thạch Sanh ở cùng sẽ đem lại nhiều lợi ích.

B. Vì muốn được che chở cho Thạch Sanh.

Câu 6. Trong truyện Thạch Sanh, mẹ con Lí Thông là người như thế nào?

A. Là người nông dân chất phát, thật thà nhưng tốt bụng.

B. Là người ti tiện, bủn xỉn, chỉ muốn lấy của người khác,

C. Là người gian xảo, có lòng dạ nham hiểm và độc ác.

D. Là người có phép thuật và thường xuyên sử dụng phép thuật ấy để làm hại người khác.

Câu 7. Thạch Sanh đã nhận được báu vật gì sau khi giết chết chằn tinh?

- A. Một cây đàn thần. B. Một bộ cung tên bằng vàng
C. Một cái niêu cơm thần. D. Một cây búa thần.

Câu 8. Chủ đề của truyện Thạch Sanh là gì?

- A. Đấu tranh chinh phục tự nhiên
B. Đấu tranh chống xâm lược
C. Đấu tranh chống sự bất công trong xã hội
D. Đấu tranh giữa thiện và ác

Câu 9. Hãy rút ra bài học mà em tâm đắc nhất sau khi đọc tác phẩm.

Câu 10. Chi tiết “niêu cơm thần” trong truyện có ý nghĩa gì?

II. VIẾT (4.0 điểm)

Kể lại một trải nghiệm của bản thân.

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
Môn: Ngữ văn lớp 6

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	B	0,5
	3	A	0,5
	4	C	0,5
	5	C	0,5
	6	C	0,5
	7	B	0,5
	8	D	0,5
	9	- HS nêu được cụ thể bài học; ý nghĩa của bài học. - Lí giải được lí do nêu bài học ấy.	1,0
	10	- Niêu cơm nhỏ mà mấy vạn người cũng không thể ăn hết được. - Niêu cơm đãi quân sĩ thể hiện sự khoan dung, tấm lòng nhân đạo, yêu chuộng hoà bình của nhân dân ta.	1,0
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> Kể lại một trải nghiệm của bản thân.	0,25
		<i>c. Kể lại một trải nghiệm của bản thân.</i> HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:	
		+ <i>Mở bài:</i>	2,5

	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng ngôi kể thứ nhất. - Giới thiệu sơ lược về trải nghiệm. - Dẫn dắt chuyển ý, hấp dẫn với người đọc. <p>+ <i>Thân bài:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày chi tiết về thời gian, không gian, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện. - Trình bày các sự việc theo trình tự hợp lí rõ ràng. - Kết hợp kể và tả. <p>+ <i>Kết bài:</i> Nêu ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân.</p>	
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0,5
	<p><i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo.</p>	0,5